

Bản án số: 32/2017/HSST
Ngày: 27/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đinh Viết Nam**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Ngọc Lương**
Ông **Phan Phi Anh**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Hoàng Đình Vương Vũ** - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông **Trần Cúc Phương** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 25/2017/HSST ngày 17 tháng 8 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn H (tên gọi khác: Đ), sinh năm 1972 tại Quảng Trị; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn H1, xã G1, huyện G2, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 2/12; con ông: chưa xác định và bà: Nguyễn Thị N; có vợ và 02 người con, con lớn nhất 14 tuổi, nhỏ 04 tuổi.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/5/2017 đến ngày 10/5/2017 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Hoàng B, sinh năm 1970 tại Quảng Trị; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn H1, xã G1, huyện G2, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; con ông: Hoàng L (đã chết) và bà: Lê Thị C, sinh 1934; có vợ và 03 người con, con lớn nhất 14 tuổi, nhỏ 06 tuổi.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/5/2017 đến ngày 10/5/2017 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Lê Văn T, sinh năm 1978 tại Quảng Trị; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn H1, xã G1, huyện G2, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 4/12; con ông: chưa xác định và bà: Nguyễn Thị N; có vợ và 03 người con, con lớn nhất 10 tuổi, nhỏ 03 tuổi.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/5/2017 đến ngày 10/5/2017 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Lê Quốc P (tên gọi khác: T), sinh năm 1979 tại Quảng Trị; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn H1, xã G1, huyện G2, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: làm

ruộng; trình độ văn hóa: 5/12; con ông: Lê L, sinh 1944 và bà: Trần Thị B, sinh năm 1954; có vợ và 02 người con, con lớn nhất 13 tuổi, nhỏ 08 tuổi.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/5/2017 đến ngày 10/5/2017 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Đoàn Văn V, sinh năm 1978 tại Quảng Trị; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khu phố X, thị trấn G3, huyện G2, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 4/12; con ông: Đoàn Văn H (đã chết) và bà: Hoàng Thị L, sinh năm 1942; có vợ và 04 người con, con lớn nhất 12 tuổi, nhỏ 02 tuổi.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/5/2017 đến ngày 10/5/2017 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người bào chữa: Bà Lê Đỗ Diệu H – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Trị là người bào chữa cho bị cáo Đoàn Văn V, có mặt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1976; địa chỉ: thôn H1, xã G1, huyện G2, tỉnh Quảng Trị (vợ của bị cáo Lê Văn H), có mặt.

- Bà **Lê Thị C**, sinh năm 1976; địa chỉ: thôn H1, xã G1, huyện G2, tỉnh Quảng Trị (vợ của bị cáo Hoàng B), có mặt.

- Bà **Phan Thị T**, sinh năm 1977; địa chỉ: thôn H1, xã G1, huyện G2, tỉnh Quảng Trị (vợ của bị cáo Lê Văn T), có mặt.

- Bà **Nguyễn Thúy L1**, sinh năm 1985; địa chỉ: thôn H1, xã G1, huyện G2, tỉnh Quảng Trị (vợ của bị cáo Lê Quốc P), có mặt.

- Bà **Lê Thị L2**, sinh năm 1981; địa chỉ: Khu phố X, thị trấn G3, huyện G2, tỉnh Quảng Trị (vợ của bị cáo Đoàn Văn V), có mặt.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 29/4/2017, các bị cáo Lê Văn H và Hoàng B trong lúc đi rà phế liệu ở khu vực rừng thuộc địa phận xã V1, huyện V2, tỉnh Quảng Trị thì phát hiện có tín hiệu kim loại nên bị cáo H và B thay nhau đào được khoảng 20 cm, thấy đất cứng nên không đào nữa mà lấy lá khô rải lên vị trí đào để làm dấu rồi ra về. Sau đó, bị cáo H điện thoại rủ các bị cáo Lê Quốc P và Đoàn Văn V cùng tham gia.

Khoảng 9 giờ ngày 01/5/2017, các bị cáo H, P, V và B mang theo cuốc, xẻng, xà beng đi đến vị trí đã được làm dấu thay nhau đào khoảng 50cm đến 60cm thì phát hiện 01 quả bom có đường kính khoảng 35cm, dài 1,25m. Lúc này, bị cáo H nói “*Khả năng bữa ni họ mua, chở đi cất dấu, mai mốt họ mua thì bán*”. Nghe vậy, cả nhóm đồng ý và bàn nhau rủ thêm Lê Văn T và Hoàng Xuân V1 cùng tham gia. Khoảng 19 giờ cùng ngày, bị cáo H điều khiển xe mô tô chở bị cáo T, còn V1 điều khiển xe mô tô kéo xe ba gác lên trước đi đến vị trí đào bom rồi cùng nhau lăn quả bom. Khi lăn được khoảng 1m, V1 sợ nên lấy lý do có việc

riêng và bỏ về. Cả nhóm tiếp tục lăn quả bom lên xe ba gác, dùng dây thừng buộc và phủ bạt lên để tránh sự phát hiện của các cơ quan chức năng rồi cùng nhau vận chuyển bom đi cất giấu. Khi đến đoạn đường giao nhau giữa đường dự án ArậpXêút và đường Hồ Chí Minh thuộc địa phận thôn 5, thị trấn B, huyện V2, tỉnh Quảng Trị thì bị tổ tuần tra Công an thị trấn B phát hiện bắt quả tang.

Tang vật, tài sản thu giữ gồm: 01 vật kim loại hình trụ, ký hiệu M117 – 750LB nặng 322,5 kg, chiều dài 1,25m, đường kính vị trí lớn nhất 35cm; 02 thiết bị dò tìm kim loại (máy tốt); 04 chiếc xe mô tô, gồm xe: biển kiểm soát 74H3-6161, 74B1-117.42, 74B1-120.37, 74F9-6313 và 01 xe thô sơ (xe kéo ba gác) (có đặc điểm như biên bản thu giữ).

Tại bản Kết luận giám định số 1269/KLGD ngày 04/7/2017, của Phòng kỹ thuật quân sự tỉnh Quảng Trị kết luận: 01 vật kim loại hình trụ tròn, màu ghi sắt, có chiều dài 1,25 m đường kính 35 cm là vũ khí quân dụng, có tên gọi bom M117-750LB do Mỹ sản xuất còn sót lại trong chiến tranh, quả bom bị gãy phần kíp đầu và 1 phần cánh đuôi. Thông số kỹ thuật: ký hiệu M117-750LB, chiều dài tổng thể (kể cả cánh đuôi) 2,16 m, đường kính lớn nhất 406 mm, trọng lượng toàn bộ 340 kg, trọng lượng thuốc nổ nhồi bên trong (TNT hoặc Tritonal) 183 kg, tác dụng nổ sát thương mạnh vắng và công phá, nguyên lý hoạt động: dưới tác dụng của ngòi nổ (kíp đầu hoặc kíp đáy) sẽ kích hoạt khối thuốc nổ, giải phóng năng lượng truyền ra môi trường xung quanh dưới 2 dạng chính là sóng xung kích và động năng của sản phẩm nổ gây sát thương, giá trị sử dụng: còn đủ khả năng phát nổ và gây sát thương trên diện rộng.

Tại bản Cáo trạng số 18/KSĐT-TA ngày 15/8/2017 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đã truy tố các bị cáo Lê Văn H, Hoàng B, Lê Văn T, Lê Quốc P, Đoàn Văn V về tội “*Vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng*” theo quy định tại khoản 1 Điều 230 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 230; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo B áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Lê Văn H và Hoàng B mỗi bị cáo tù từ 15 – 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 230; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 31 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo P áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, bị cáo V áp dụng thêm điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015, xử phạt: bị cáo Lê Văn T và Lê Quốc P từ 12 – 15 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo Đoàn Văn V từ 6 - 9 tháng cải tạo không giam giữ. Do hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn nên đề nghị miễn khấu trừ một phần thu nhập.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Ngày 29/4/2017, các bị cáo Lê Văn H và Hoàng B trong lúc đi rà phế liệu thì phát hiện có tín hiệu kim loại lớn nên cả hai làm dấu vị trí trước khi ra về để rủ thêm người hôm khác đến tiến hành đào. Khoảng 9 giờ ngày 01/5/2017, nhóm các bị cáo gồm: H, P, V và B mang theo cuốc, xẻng, xà beng đi đến vị trí đã được làm dấu thay nhau đào khoảng 50cm đến 60cm thì phát hiện 01 quả bom có đường kính khoảng 35cm, dài 1,25m. Lúc này, bị cáo H nói *“Khả năng bữa ni họ mua, chở đi cất dấu, mai một họ mua thì bán”*. Nghe vậy, cả nhóm đồng ý và bàn nhau rủ thêm Lê Văn T và Hoàng Xuân V1 cùng tham gia. Khoảng 19 giờ cùng ngày, bị cáo H điều khiển xe mô tô chở bị cáo T, còn V1 điều khiển xe mô tô kéo xe ba gác đi đến vị trí đào bom rồi cùng nhau lăn quả bom. Khi lăn được khoảng 1m, V1 sợ nên lấy lý do có việc riêng và bỏ về. Cả nhóm tiếp tục lăn quả bom lên xe ba gác rồi thay nhau vận chuyển quả bom đi cất dấu. Khi đến đoạn đường giao nhau giữa đường dự án Arậpxêut và đường Hồ Chí Minh thuộc địa phận thôn 5, thị trấn B, huyện V2, tỉnh Quảng Trị thì bị tổ tuần tra Công an thị trấn B phát hiện bắt quả tang đối với các bị cáo H, T, V; còn các bị cáo B và P chạy trốn đến ngày hôm sau thì ra đầu thú.

Tại bản kết luận giám định của Phòng kỹ thuật quân sự tỉnh Quảng Trị kết luận: 01 vật kim loại hình trụ tròn, màu ghi sắt, có chiều dài 1,25 m đường kính 35 cm là vũ khí quân dụng, có tên gọi bom M117-750LB do Mỹ sản xuất còn sót lại trong chiến tranh. Thông số kỹ thuật: ký hiệu M117-750LB, chiều dài tổng thể (kể cả cánh đuôi) 2,16 m, đường kính lớn nhất 406 mm, trọng lượng toàn bộ 340 kg, trọng lượng thuốc nổ nhồi bên trong (TNT hoặc Tritonal) 183 kg, giá trị sử dụng: còn đủ khả năng phát nổ và gây sát thương trên diện rộng. Quả bom mà các bị cáo đã đào và vận chuyển trái pháp luật là vũ khí quân dụng được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 Pháp lệnh số 16/2011/UBTVQH12 ngày 30/6/2011 của Ủy ban thương vụ Quốc hội về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị truy tố các bị cáo Lê Văn H, Hoàng B, Lê Văn T, Lê Quốc P, Đoàn Văn V về tội *“Vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng”* theo quy định tại khoản 1 Điều 230 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý vũ khí quân dụng chặt chẽ, nghiêm ngặt của Nhà nước ta, ảnh hưởng đến an ninh chính trị và trật tự trị an; đe dọa đến sức khỏe, tính mạng của người dân nên cần phải xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét đến vai trò, tính chất, động cơ phạm tội cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo để xử phạt mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Vụ án này có tính đồng phạm mang tính chất giản đơn, sau khi bị cáo Hùng rủ rê thì các bị cáo tự tụ tập, lôi kéo lẫn nhau phạm tội với mục đích kiếm tiền lo toan cuộc sống mưu sinh nhưng hành vi của các bị cáo hết sức nguy hiểm, đánh đổi, bất chấp tính mạng để kiếm tiền nuôi sống bản thân và gia đình. Trong vụ án này, các bị cáo có vai trò tương đương nhau nhưng các bị cáo H và B có vai trò cao hơn các bị cáo còn lại; phần lớn các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, trình độ văn hóa thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Hội đồng xét xử

cần xem xét khoan hồng cho các bị cáo khi lượng hình với mục đích răn đe, giáo dục là chính.

Các bị cáo đều được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ “*thành khẩn khai báo*”, “*ăn năn hối cải*” được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo P và B được hưởng thêm tình tiết đầu thú, riêng bị cáo Đoàn Văn V có mẹ đã được tặng huân chương kháng chiến hạng 3 và gia đình thuộc diện hộ nghèo, bị cáo P có cha đẻ là người có công với Nhà nước đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử thấy, các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nghề nghiệp đều làm ruộng và lao động chính trong gia đình; trình độ học vấn thấp nên không nhận thức được về hậu quả nguy hiểm của bom mìn; vì kế sinh nhai mà không biết được hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử chỉ cần giáo dục, răn đe các bị cáo là chính mà không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống cộng đồng, giao cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú có trách nhiệm giám sát, giáo dục các bị cáo cũng đủ để giáo dục và phòng ngừa chung.

- Về vật chứng của vụ án:

Quả bom là tang vật của vụ án, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Trị phối hợp với tổ chức Renew đã tiến hành hủy nổ.

Đối với 02 máy dò kim loại (máy tọt) là phương tiện phạm tội của các bị cáo H – B, V – P không được Nhà nước bảo hộ cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với các xe mô tô biển kiểm soát 74H3-6161; 74B1-117.42; 74B1-120.37; 74F9-6313 và xe thô sơ là tài sản chung và phương tiện đi lại của gia đình các bị cáo nên cần trả lại cho các bị cáo là có căn cứ pháp luật được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Riêng đối với Hoàng Xuân V1 có tham gia vận chuyển nhưng đã nữa chừng tự ý chấm dứt hành vi phạm tội nên Viện kiểm sát đã không truy cứu trách nhiệm hình sự là có cơ sở theo quy định của pháp luật. Hiện nay, chính quyền địa phương đang làm thủ tục xử lý hành chính đối với V1 là đúng thẩm quyền.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Văn H, Hoàng B, Lê Văn T, Lê Quốc P và Đoàn Văn V phạm tội “*Vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 230; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Riêng bị cáo Hoàng B được áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt:

- **Lê Văn H: 15 (mười lăm)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **30 (ba mươi)** tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 27/9/2017.

- **Hoàng B: 14 (mười bốn)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **28 (hai mươi tám)** tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 27/9/2017.

Giao các bị cáo Lê Văn H và Hoàng B cho Ủy ban nhân dân xã G1, huyện G2, tỉnh Quảng Trị chịu trách nhiệm giám sát, giáo dục các bị cáo; gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 230; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 31 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Riêng bị cáo Lê Quốc P và Đoàn Văn V áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt:

- **Lê Văn T: 12 (mười hai)** tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 02/5/2017 đến ngày 10/5/2017, còn lại bị cáo phải chấp hành **11 (mười một)** tháng **3 (ba)** ngày cải tạo không giam giữ.

- **Lê Quốc P: 12 (mười hai)** tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 02/5/2017 đến ngày 10/5/2017, còn lại bị cáo phải chấp hành **11 (mười một)** tháng **3 (ba)** ngày cải tạo không giam giữ.

- **Đoàn Văn V: 9 (chín)** tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 02/5/2017 đến ngày 10/5/2017, còn lại bị cáo phải chấp hành **8 (tám)** tháng **3 (ba)** ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Lê Văn T, Lê Quốc P cho UBND xã G1, huyện G2; bị cáo Đoàn Văn V cho UBND thị trấn G3, huyện G2, tỉnh Quảng Trị nơi các bị cáo thường trú có trách nhiệm giám sát, giáo dục các bị cáo; gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Do các bị cáo Lê Văn T, Lê Quốc P và Đoàn Văn V đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nghề nghiệp và thu nhập không ổn định nên được miễn khấu trừ một phần thu nhập.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự và các điểm a, b khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo Lê Văn H chiếc xe mô tô biển kiểm soát 74B1 – 12037, nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn: đỏ đen, số máy: E3T6E052752, số khung: 1710GY038862, xe đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Đoàn Văn V chiếc xe mô tô biển kiểm soát 74F9 – 6313, nhãn hiệu LISOHAKA, màu sơn: xanh, số máy: 50FMG*000130217, số khung: DOGO034LK*130217, xe đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Lê Quốc P chiếc xe mô tô biển kiểm soát 74H3 – 6161, nhãn hiệu MIKADO, màu sơn: nâu, số máy: OFMG-N006664, số khung: GOTT5XP06664, xe đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Lê Văn T chiếc xe mô tô biển kiểm soát 74B1 – 11742, nhãn hiệu HONDA, màu sơn: đỏ đen, số máy: JA31E0386957, số khung:

3108BY106609, xe đã qua sử dụng và 01 chiếc thô sơ (xe kéo tự chế) có đặc điểm: khung xe bằng kim loại có chiều dài 2,9 mét, chiều rộng 01 mét.

(Các xe mô tô biển kiểm soát 74H3-6161; 74B1-117.42; 74B1-120.37; 74F9-6313 và 01 chiếc xe thô sơ (xe kéo tự chế) hiện đang do các bị cáo bảo quản theo Quyết định giao vật chứng cho chủ sở hữu bảo quản, chờ xử lý số 03/ANĐT ngày 29/6/2017 của Cơ quan an ninh điều tra – Công an tỉnh Quảng Trị và các biên bản giao nhận vật chứng cho chủ sở hữu bảo quản, chờ xử lý ngày 03/7/2017).

- Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) thiết bị dò kim loại có chiều dài khoảng 1,28m, chỗ rộng nhất là phần bảng máy khoảng 40cm, chỗ hẹp nhất là phần khung máy khoảng 2cm. Thiết bị này đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong *(Vật chứng này hiện đang có tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25/8/2017).*

3. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc:

- Các bị cáo Lê Văn H, Hoàng B, Lê Văn T, Lê Quốc P và Đoàn Văn V mỗi bị cáo phải chịu **200.000** đồng *(Hai trăm ngàn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ quan có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các bị cáo;
- NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Viết Nam